



Ngày ký: 03/11/2025 14:17:39
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XVI-PGD
Số 7
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: CK 115/ 251103_1125654_2877001

Năm NS: 2025

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, Xã Đức An

Tài khoản: 9523.4.1125654

Tại KBNN: KBNN Khu vực XVI-PGD số 7

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Thanh toán tiền lương biên chế tháng 11/2025	6001	822	072	13	159.646.395
Thanh toán tiền phụ cấp chức vụ tháng 11/2025	6101	822	072	13	3.769.740
Thanh toán tiền phụ cấp khu vực tháng 11/2025	6102	822	072	13	37.674.000
Thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi tháng 11/2025	6112	822	072	13	84.875.310
Thanh toán tiền phụ cấp trách nhiệm theo nghề, công việc tháng 11/2025	6113	822	072	13	1.404.000
Thanh toán tiền phụ cấp thâm niên nghề tháng 11/2025	6115	822	072	13	21.305.314
Tổng cộng					308.674.759

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm linh tám triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Trường tiểu học Trần Hưng Đạo

Địa chỉ: Tổ 6, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng

Tài khoản: 5305201003219

Tại KBNN (NH): Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Hải
Ngày ký: 03/11/2025 07:18:58
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, Xã Đức An

Nguyễn Thị Hải

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Thị Thanh Huyền
Ngày ký: 03/11/2025 08:02:06
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, Xã Đức An

Hoàng Thị Thanh Huyền

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: En Vu Thi
Ngày ký: 03/11/2025 10:11:49
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XVI-PGD số 7

En Vu Thi

Giám đốc

Người ký: Tinh Tran Trung
Ngày ký: 03/11/2025 11:15:31
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực XVI-PGD số 7

Tinh Tran Trung

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dự toán Ủy nhiệm chi số CK 115 ngày 03 tháng 11 năm 2025)

- Tài khoản dự toán
1. Đơn vị sử dụng ngân sách : Trường tiểu học Trần Hưng Đạo
2. Mã đơn vị: 1125654
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 5305201003219 tại ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông
L. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương tháng 11/2025

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			308,674,759	308,674,759							
Đối với công chức, viên chức				308,674,759	308,674,759							
1	Hoàng Thị Thanh Huyền	530566697777	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	20.880,405	20.880,405							
2	Tăng Thị Tuyết Mai	5305215000922	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	17.385,533	17.385,533							
3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	5305215000979	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.991,098	9.991,098							
4	Nguyễn Thị Hải	530566679999	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.264,879	9.264,879							
5	Nguyễn Thị Thanh Hằng	5305215000939	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	20.122,830	20.122,830							
6	Trần Thị Minh	5305205004427	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	16.370,640	16.370,640							
7	Nguyễn Thị Bích	5305205156455	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.872,344	13.872,344							
8	Nguyễn Trọng Giáo	5305215013504	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	11.632,765	11.632,765							
9	Phạm Thị Nư	5305215009696	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	12.887,971	12.887,971							
10	Vu Thị Bình	5305215003496	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.554,222	13.554,222							
11	Nông Thị Hằng	5305205150284	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.345,001	13.345,001							
12	Hà Thị Hòa	5305215000916	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	19.156,628	19.156,628							
13	Phạm Thị Đào	5305205042360	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	15.868,008	15.868,008							
14	H.Ngôi Ế Núi	5305215019500	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.015,318	9.015,318							

(Đơn vị: Đồng)

15	Nguyễn Thị Giang	5305215019480	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	10.353.681	10.353.681														
16	Phạm Thị Thu Trà	5305205042490	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	17.804.700	17.804.700														
17	Nguyễn Thị Chinh	5305205082726	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	19.365.255	19.365.255														
18	Phạm Thị Tuyết Nhung	5305205108531	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	11.324.941	11.324.941														
19	Nguyễn Thị Minh	5305215014769	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	10.028.816	10.028.816														
20	Nguyễn Thị Lan	5305215019841	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.276.462	9.276.462														
21	Hoàng Thị Quỳnh Như	5305215019710	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.766.107	9.766.107														
22	Đỗ Thị Trang	5300215072092	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.276.462	9.276.462														
23	Chau Thị Nghiệp	5305205245800	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	8.130.693	8.130.693														
II.	Đổi với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP																		
III.	Đổi với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo số 111/2022/NĐ-CP																		

Tổng số tiền hàng chữ: (Ba trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi tư ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng)

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập

Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện



BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số CK 115 ngày 03 tháng 11 năm 2025

Tài khoản dự toán

1. Đơn vị sử dụng ngân sách : Trường tiểu học Trần Hưng Đạo

2. Mã đơn vị: 1125654

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tài khoản hàng thương mại: 5305201003219 tại ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương tháng 11/2025

Tài khoản tiền gửi

(Đơn vị : Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			308.674.759	308.674.759							
I.	Đối với công chức, viên chức			308.674.759	308.674.759							
1	Hoàng Thị Thanh Huyền	5305666697777	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	20.880.405	20.880.405							
2	Tăng Thị Tuyết Mai	5305215000922	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	17.385.533	17.385.533							
3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	5305215009979	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.991.098	9.991.098							
4	Nguyễn Thị Hải	5305666679999	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.264.879	9.264.879							
5	Nguyễn Thị Thanh Hằng	5305215000939	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	20.122.830	20.122.830							
6	Trần Thị Minh	5305205004427	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	16.370.640	16.370.640							
7	Nguyễn Thị Bích	5305205156455	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.872.344	13.872.344							
8	Nguyễn Trọng Giáo	5305215013504	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	11.632.765	11.632.765							
9	Phạm Thị Nữ	5305215009696	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	12.887.971	12.887.971							
10	Vũ Thị Bình	5305215003496	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.554.222	13.554.222							
11	Nông Thị Hằng	5305205150284	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	13.345.001	13.345.001							
12	Hà Thị Hòa	5305215000916	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	19.156.628	19.156.628							
13	Phạm Thị Đào	5305205042360	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	15.868.008	15.868.008							
14	H Ngòi Ê Nuôi	5305215019500	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.015.318	9.015.318							

15	Nguyễn Thị Giang	5305215019480	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	10.353.681	10.353.681					
16	Phạm Thị Thu Trà	5305205042490	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	17.804.700	17.804.700					
17	Nguyễn Thị Chím	5305205082726	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	19.365.255	19.365.255					
18	Phạm Thị Tuyết Nhung	5305205108531	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	11.324.941	11.324.941					
19	Nguyễn Thị Minh	5305215014769	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	10.028.816	10.028.816					
20	Nguyễn Thị Lan	5305215019841	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.276.462	9.276.462					
21	Hoàng Thị Quỳnh Như	5305215019710	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.766.107	9.766.107					
22	Đỗ Thị Trang	5300215072092	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	9.276.462	9.276.462					
23	Chu Thị Nghiệp	5305205245800	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh Đắk Song - Đắk Nông	8.130.693	8.130.693					
II.	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP									
III.	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập									

Tổng số tiền bằng chữ: (Ba trăm linh tám triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng)

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập

Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng

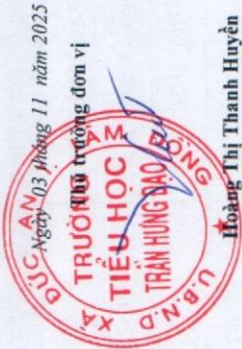
Nguyễn Thị Hải

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát/ Giao dịch viên

Ngày tháng năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện



BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 11/2025

STT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Mã số CDNN	Lương hệ số										Thành tiền	Ngày hưởng lương	Bảo hiểm thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Các khoản trừ vào lương				Tổng số tiền lương còn được nhận	% thâm niên
				Hệ số lương	Hệ số PCC V	Hệ số phụ cấp khác				Cộng hệ số	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)					Cộng					
						Khu vực	Thâm niên	Phụ cấp ưu đãi	Trách nhiệm														
A	B	C		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16					
1	Hoàng Thị Thanh Huyền	HT	V.07.03.28	4,68	0,40	0,7	1,270	2,5400		9,5900	22.440.600	22		22.440.600	1.188.720	222.885	148.590	1.560.195	20.880.905	10%			
2	Tăng Thị Tuyết Mai	HP	V.07.03.28	4,00	0,30	0,7	0,817	2,1500		7,9670	18.642.780	22		18.642.780	957.902	179.607	119.738	1.257.247	17.385.533	10%			
3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Y tế	V.07.03.07	3,26		0,7		0,6520		4,612	10.792.080	22		10.792.080	610.272	114.426	76.284	800.982	9.991.098	10%			
4	Nguyễn Thị Hải	Kế toán kiểm tổ trưởng tổ VP	06.031	3,33	0,20	0,7			0,10	4,33	10.132.200	22		10.132.200	660.816	123.903	82.602	867.321	9.264.879	25%			
5	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giáo viên kiểm tổ khởi trường	V.07.03.28	4,68	0,20	0,7	1,220	2,4400		9,2400	21.621.600	22		21.621.600	1.141.920	214.110	142.740	1.498.770	20.122.830	20%			
6	Trần Thị Minh	Giáo viên	V.07.03.28	4,00		0,7	0,800	2,0000		7,5000	17.550.000	22		17.550.000	898.560	168.480	112.320	1.179.360	16.370.640	12%			
7	Nguyễn Thị Bích	Giáo viên	V.07.03.09	3,33	0,15	0,7	0,418	1,7400		6,3376	14.829.984	22		14.829.984	729.631	136.806	91.204	957.640	13.872.344	11%			
8	Nguyễn Trọng Giáo	Giáo viên	V.07.03.29	2,86		0,7	0,315	1,4300		5,3046	12.412.764	22		12.412.764	594.285	111.428	74.286	779.999	11.632.765	12%			
9	Phạm Thị Nữ	Giáo viên kiểm tổ khởi phó	V.07.03.29	3,00	0,20	0,7				5,8840	13.768.560	22		13.768.560	670.925	125.798	83.866	880.589	12.887.971	15%			
10	Vũ Thị Bình	GV	V.07.03.29	3,33		0,7	0,500	1,6650		6,1945	14.495.130	22		14.495.130	716.882	134.415	89.610	940.908	13.554.222	12%			
11	Nông Thị Hằng	Giáo viên	V.07.03.09	3,33		0,7	0,400	1,6650		6,0946	14.261.364	22		14.261.364	698.181	130.909	87.273	916.363	13.345.001	21%			
12	Hà Thị Hòa	Giáo viên kiểm tổ khởi phó	V.07.03.28	4,34	0,20	0,7	0,953	2,2700	0,30	8,7634	20.506.356	22		20.506.356	1.028.364	192.818	128.546	1.349.728	19.156.628	14%			
13	Phạm Thị Đào	Giáo viên	V.07.03.28	4,00		0,7	0,560	2,0000		7,2600	16.988.400	22		16.988.400	853.632	160.056	106.704	1.120.392	15.868.008				

14	H Ngồi Ê Nười	Giáo viên	V.07.03.09	2,26			0,7		1,1300		4,0900	9.570.600	423.072	79.326	52.884	555.282	9.015.318	
15	Nguyễn Thị Giang	Giáo viên	V.07.03.09	2,67			0,7		1,3350		4,7050	11.009.700	499.824	93.717	62.478	656.019	10.353.681	
16	Phạm Thị Thu Trà	Giáo viên	V.07.03.28	4,34			0,7	0,955	2,1700		8,1648	19.105.632	991.187	185.847	123.898	1.300.932	17.804.700	22%
17	Nguyễn Thị Chín	Giáo viên	V.07.03.28	4,68			0,7	1,170	2,3400		8,8900	20.802.600	1.095.120	205.335	136.890	1.437.345	19.365.255	25%
18	Phạm Thị Tuyết Nhung	Giáo viên - TPTE	V.07.03.07	2,67		0,20	0,7	0,240	1,3350		5,1453	12.040.002	544.808	102.152	68.101	715.061	11.324.941	9%
19	Nguyễn Thị Minh	Giáo viên	V.07.03.07	2,46			0,7	0,172	1,2300		4,5622	10.675.548	492.748	92.390	61.593	646.732	10.028.816	7%
20	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	V.07.03.28	2,34			0,7		1,1700		4,2100	9.851.400	438.048	82.134	54.756	574.938	9.276.462	
21	Hoàng Thị Quỳnh Như	Giáo viên	V.07.03.07	2,34	0,15		0,7		1,2450		4,4350	10.377.900	466.128	87.399	58.266	611.793	9.766.107	
22	Đỗ Thị Trang	Giáo viên	V.07.03.29	2,34			0,7		1,1700		4,2100	9.851.400	438.048	82.134	54.756	574.938	9.276.462	
23	Chu Thị Nghiệp	Giáo viên	V.07.03.29	1,99			0,7		0,9945		3,6835	8.619.390	372.341	69.814	46.543	488.697	8.130.693	
Tổng cộng				76,23	1,80	16,10	10,17	36,27	0,60		141,17	330345990	16.511.414	3.095.890	2.063.927	21.671.231	308.674.759	

Kế toán

(Signature)

Nguyễn Thị Hải

Đã in ngày 03 tháng 11 năm 2025

XÁC AN TÀI TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Thị Thanh Huyền